

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-PT

Ngày 04/9/2024

V/v *Kiện đòi tài sản và
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương và ông Đặng Chí Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “Kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1993, địa chỉ: C N, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông R'Mah C, sinh năm 1976 và bà Siu H (tên gọi khác là Siu H1, Siu H2), sinh năm 1983, địa chỉ: Làng T, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2024). Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Bà Nay H3, nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông R'Mah C1 và bà Siu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Do ông R'Mah C1 và bà Siu H có quen biết cha của chị Nguyễn Thị Phương T là ông Nguyễn L, đồng thời ông R'Mah C1 và bà Siu H cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 27-5-2019 ông R'Mah C1 và bà Siu H có viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương T với số tiền là 200.000.000 đồng. Khi viết giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay thì không có ghi trên giấy vay tiền. Tuy nhiên, vợ chồng ông R'Mah C1 và bà Siu H có nói là vay tiền được sẽ trả hết nợ gốc. Sau đó, chị Nguyễn Thị Phương T không thấy vợ chồng ông R'Mah C1 và bà Siu H trả lại tiền nợ gốc cho chị Nguyễn Thị Phương T.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R'Mah C1 và bà Siu H phải trả cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền là 200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông R'Mah C1 và bà Siu H: Chị Nguyễn Thị Phương T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông R'Mah C1 và bà Siu H.

1.2. Bị đơn ông R'Mah C1 và bà Siu H trình bày:

Ngày 31/7/2023, chị Nguyễn Thị Phương T nộp đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2023 đến Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai được đóng dấu Công văn đến số 404 ngày 31/7/2023. Và đã được Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xem xét, thụ lý theo thông báo thụ lý vụ án số 286/TB-TLVA đề ngày 01-8-2023. Theo đó các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thụ lý, giải quyết trong vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 về quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” bao gồm 3 yêu cầu khởi kiện trong đó đã có yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Trả nợ gốc 200.000.000 đồng” cũng là quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này. Đến ngày 08-9-2023, bị đơn có nộp Đơn yêu cầu (V/v Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trong vụ án dân sự) và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận Đơn yêu cầu và đình chỉ giải quyết vụ án trên theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 107/2023/QĐST-DS ngày 21-9-2023, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trước ngày 21-9-2023 là vào ngày 19-9-2023 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo Công văn đến số 484 đề ngày 19-9-2023 và hình thành nên vụ án số 328/2023/TLST-DS ngày 13-10-2023 theo thông báo thụ lý vụ án số 357/TB-TLVA ngày 13-10-2023 với quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”. Việc nguyên đơn thay đổi quan hệ pháp luật có tranh chấp từ “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” sang quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” với cùng một Hợp đồng dân sự vay tài sản và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là không có căn cứ.

Thông qua việc nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hợp đồng dân sự vay tài sản đề ngày 27-5-2019 là hợp đồng bị vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T tự ý thay

đòi các thỏa thuận ban đầu và không thực hiện nghĩa vụ chuyển giao quyền sở hữu từ hợp đồng dân sự vay tài sản có tên giấy vay tiền đề ngày 27-5-2019 sau khi ký hợp đồng, không đủ căn cứ để chứng minh cho quyền sở hữu tài sản, các lời khai, lời trình bày trong các đơn khởi kiện của nguyên đơn không đảm bảo tính khách quan, nhất quán, tồn tại nhiều mâu thuẫn, bất nhất và các bị đơn cũng chưa nhận số tiền từ chị **Nguyễn Thị Phương T** chuyển giao nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Trong vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 được nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Phương T** khởi xướng khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng vụ án trên thì đến ngày 08-9-2023, đại diện theo ủy quyền cho các bị đơn là ông **Đình Văn T1** theo hợp đồng ủy quyền ngày 07-9-2023 đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án dân sự căn cứ theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án và đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét và chấp nhận đơn yêu cầu và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của phía bị đơn và ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 107/2023/QĐST-DS ngày 21-9-2023, nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai không kháng nghị quyết định trên và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy phía bị đơn đã tiến hành việc nghiên cứu, xem xét, phân tích, luận giải các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án số 263/2023/TLST-DS và đưa ra quan điểm lập luận đánh giá chứng cứ, các căn cứ pháp lý và pháp luật áp dụng phù hợp với tình tiết, diễn biến phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Nguyên đơn không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện của mình trong vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 là có căn cứ, hợp pháp và hoàn toàn đồng ý với Quyết định này. Nguyên đơn khởi kiện vụ án số 263/2023/TLST-DS tuy nhiên lại không chứng minh được cho các yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ được Tòa án chấp nhận và việc các bị đơn phải tham gia tố tụng vụ án số 263/2023/TLST-DS là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn như: Thời gian, công sức, tinh thần, công việc, cuộc sống và chi phí tố tụng liên quan đến vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 là rõ ràng, hiện hữu và tường minh.

Bà **Siu H** yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** đền bù các chi phí liên quan đến việc tham gia tố tụng trong vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 đã được đình chỉ là 20.000.000 đồng.

- Buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** phải xin lỗi công khai bà **Siu H** trong việc khởi kiện vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 đã được đình chỉ.

- Buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** đền bù các tổn thất tinh thần, sức khỏe trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 số tiền bằng 10 tháng lương cơ bản theo quy định của pháp luật là 18.500.000 đồng.

- Tuyên hủy hợp đồng dân sự vay tài sản là “*Giấy vay tiền* đề ngày 27-5-2019” đã hết giá trị pháp lý, là tài liệu chứng cứ trong vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023.

Ông **R'Mah C1** yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết:

- Buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** phải xin lỗi công khai ông **R'Mah C1** trong việc khởi kiện vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 đã được đình chỉ.

- Buộc chị **Nguyễn Thị Phương T** đền bù các tổn thất tinh thần, sức khỏe, công việc nhà nông bị ảnh hưởng trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án số 263/2023/TLST-DS ngày 01-8-2023 là 20.000.000 đồng.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 155, 274, 275, 280, 463, 466 và 584 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Phương T**.

Buộc ông **R'Mah C1** và bà **Siu H** phải trả cho chị **Nguyễn Thị Phương T** 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **R'Mah C1** và bà **Siu H**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **R'Mah C1** và bà **Siu H** phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Siu H** phải chịu 2.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001526 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; bà **Siu H** còn phải nộp 1.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **R'Mah C1** phải chịu 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001525 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; ông R'Mah C1 còn phải nộp 800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương T 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001455 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, bị đơn ông R'Mah C1 và bà Siu H có đơn kháng cáo về toàn bộ nội dung bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án cấp sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T không kháng cáo.
- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn không vay tiền của nguyên đơn, việc cho vay tiền của nguyên đơn có dấu hiệu cho vay nặng lãi.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là ông R'Mah C1 và bà Siu H yêu cầu hủy bản án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng: Ông R'Mah C và bà Siu H không có vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương T và không lập hợp đồng dân sự vay tài sản đề ngày 27/5/2019, chị T cũng chưa chuyển giao số tiền 200.000.000đ cho ông R'Mah C1 và bà Siu H. Ngoài ra nguyên đơn có vi phạm về cách tính lãi suất, do vậy phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn.

Tại một số lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn ông R'Mah C1 và bà Siu H cho rằng đã trả 200.000.000 đồng nợ gốc cho chị Nguyễn Thị Phương T nhưng vì tin tưởng nên không lập giấy tờ giao nhận tiền và hủy giấy vay tiền ngày 27/05/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Tại bản tự khai ngày 23/8/2023 và Biên bản hoà giải ngày 05/9/2023 (BL128-136) ông R'Mah C1 và bà Siu H trình bày nội dung:

“Giữa bị đơn và chị Nguyễn Thị Phương T không quen biết nhau, bị đơn chỉ quen với ông Nguyễn L là cha của chị Nguyễn Thị Phương T. Vào ngày 27-5-2019 vợ chồng bị đơn vì cần tiền đáo hạn ngân hàng nên có viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương T (sau này bị đơn mới biết chị T là con gái của chú L, chú L là cán bộ tín dụng phụ trách khoản vay trên địa bàn xã C, thực chất hai vợ chồng bị đơn không biết chị T việc vay tiền của chị T là do chú L giới thiệu). Sau khi vợ chồng bị đơn vay được tiền ngân hàng, ngày 28-5-2019 vợ chồng bị đơn đã trả cho người nhà chú L lên nhận tại nhà xe của ngân hàng, lúc đó có chú L chứng kiến. Tuy nhiên vì vợ chồng bị đơn nghĩ đã trả hết tiền là xong nên không lấy lại giấy vay tiền đã viết tay trước đó cũng không yêu cầu người nhận tiền viết giấy biên nhận vì vợ chồng bị đơn tin tưởng chú L.

Nay chị T con chú L khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn phải trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thì bị đơn không đồng ý vì thực chất khoản tiền này vợ chồng bị đơn đã trả mặc dù vợ chồng bị đơn không có chứng cứ chứng minh do tin tưởng chú L, tuy nhiên hiện nay chú L đã mất”.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T cung cấp “Giấy vay tiền” đề ngày 27/5/2019 có chữ ký và ghi tên của bên vay ông R'Mah C1 và bà Siu H, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng thừa nhận có thỏa thuận vay và lập giấy vay tiền nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bị đơn có vay và đã nhận của chị T số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả khoản vay nêu trên cho bà T nên có căn cứ xác định bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn, quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là không đúng quy định pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông R'Mah C1 và bà Siu H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông R'Mah C1 và bà Siu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 155, 274, 275, 280, 463, 466 và 584 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông R'Mah C1 và bà Siu H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về việc “Kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T với bị đơn là ông R'Mah C1 và bà Siu H.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông R'Mah C1 và bà Siu H.

Buộc ông R'Mah C1 và bà Siu H phải trả cho chị Nguyễn Thị Phương T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông R'Mah C1 và bà Siu H phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Siu H phải chịu 2.225.000đ (hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001526 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; bà **Siu H** còn phải nộp 1.425.000đ (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **R'Mah C1** phải chịu 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001525 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; ông **R'Mah C1** còn phải nộp 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị **Nguyễn Thị Phương T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị **Nguyễn Thị Phương T** 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001455 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông **R'Mah C** và bà **Siu H** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001715 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hà

